TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2025
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đoàn Kim Sơn.
- Ông Hà Công Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Minh N, sinh năm 1978, cư trú tại: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn: Chị Đào Huỳnh Thu, sinh năm 1978, cư trú tại: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Minh N trình bày: Anh và chị Đào Huỳnh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 07 tháng 9 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì ly thân, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị Tquản lý tài chính nhưng không quan tâm phụng dưỡng cha mẹ anh, thường hay ghen tuông vô cớ, đến đầu năm 2025 thì sống ly thân cho đến nay. Thời gian ly thân có hàn gắn nhưng không đạt kết quả mà ngược lại mâu thuẫn càng nghiêm trọng hơn. Nay anh không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với chị T. Con chung Trần Ngọc Ha, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2001 và Trần Thành N, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2006 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đào Huỳnh Ttrình bày: Về quá trình kết hôn giống như lời trình bày của anh N. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay nguyên nhân do anh N về nhà cha mẹ anh sống, anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữa khác, thời gian ly thân chị N lần hàn gắn tình cảm nhưng anh N không đồng ý mà còn đánh chị. Nay chị còn thương chồng, muốn các con có cuộc sống tốt đẹp nên không đồng ý ly hôn với anh N. Về con chung như anh N trình bày là đúng. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đối với vụ án là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn chị Đào Huỳnh Tcó nơi cư trú tại ấp P xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[2]. Về quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Minh N và chị Đào Huỳnh T, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 07 tháng 9 năm 2006, quá trình hôn nhân tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình hôn nhân, anh N cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, chị Tkhông quan tâm phụng dưỡng cha mẹ anh, thường hay ghen tuông vô cớ, đối với chị Tthì cho rằng anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, có hành vi đánh chị. Xét thấy quá trình hôn nhân của anh N và chị Tđã tồn tại trong khoảng thời gian dài, đã có con chung trưởng thành, lẽ ra anh chị phải tích cực cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nhưng chỉ vì nghi ngờ tình cảm lẫn nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống đã dẫn đến anh chị sống ly thân, thời gian ly thân anh chị không thể hàn gắn tình cảm mà ngược lại mâu thuẫn nghiêm trọng hơn, anh N có hành vi bạo lực với chị Thu, bản thân chị Tdù có nguyện vọng được hàn gắn đoàn tụ nhưng chị cũng không đưa ra được giải pháp nào có tính thuyết phục được sự đồng ý của anh N. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị Tlà phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Trần Minh N và chị Đào Huỳnh Tcó 02 con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2001 và Trần Thành N, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2006 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về chia tài sản khi ly hôn: Anh Trần Minh N và chị Đào Huỳnh Tkhông yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Minh N phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Minh N.

Anh Trần Minh N được ly hôn với chị Đào Huỳnh Thu.

[2]. Về con chung: Trần Ngọc H, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2001 và Trần Thành N, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2006 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về chia tài sản khi ly hôn: Anh Trần Minh N và chị Đào Huỳnh Tkhông yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Án phí ly hôn anh Trần Minh N phải nộp số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai Ttạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000xxxx ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre nên anh Trần Minh N không phải nộp thêm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án) (1b);
- VKSND huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (Đăng ký kết hôn số: xx, ngày 07 tháng 9 năm 2006) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Việt Thiện